

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐỊA CHỈ: 2Bis 4-6 LÊ THANH TỐN, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP.HỒ CHÍ MINH

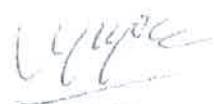
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2009

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2009	Tích lũy
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	446.598.514.340	1.771.684.291.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	446.598.514.340	1.771.684.291.618
4. Giá vốn hàng bán	11	390.272.726.081	1.482.500.356.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	56.325.788.259	289.183.934.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	65.308.681.826	176.565.781.790
7. Chi phí tài chính	22	(28.213.188.848)	(118.787.783.298)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	17.827.263.627	68.700.309.541
8. Chi phí bán hàng	24	2.298.716.243	6.931.867.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	40.909.412.159	114.275.340.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	106.639.530.531	363.330.291.826
11. Thu nhập khác	31	2.457.827.258	14.785.920.622
12. Chi phí khác	32	588.533.026	7.378.790.225
13. Lợi nhuận khác	40	1.869.294.232	4.407.130.397
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	108.508.824.763	367.737.422.223
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21.387.325.268	35.073.166.346
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	87.121.499.495	332.664.255.877
17. Lợi ích cổ đông thiểu số	70	12.427.390.969	(1.972.116.032)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty Gemadept	80	74.694.108.526	320.692.139.846
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	1.545	6.724

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

